

KHÁI QUÁT VỀ KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN

1- NHỮNG YÊU CẦU BỨC XÚC CỦA THỰC TẾ

Cùng với tốc độ phát triển mạnh mẽ theo chiều hướng toàn cầu hoá của nền kinh tế thế giới, quan hệ giao lưu kinh tế giữa các quốc gia cũng ngày càng gia tăng. Thương mại quốc tế đã thật sự trở thành động lực phát triển của mỗi quốc gia cũng như của nền kinh tế thế giới, sự hấp dẫn và sức cuốn hút của thương mại quốc tế mạnh đến mức không quốc gia nào đủ can đảm từ chối nó.

Theo số liệu thống kê của Tổ chức Thương mại thế giới (World Trade Organization – WTO) thì: nếu tỉ trọng thương mại trong GDP toàn cầu năm 1950 là 7% thì năm 2000 đã là 23%. Thương mại quốc tế năm 1991 tăng 50 lần năm 1950, cũng trong khoảng thời gian này tốc độ tăng trung bình của Thương mại quốc tế là 11,2% /năm gấp 3 lần tốc độ tăng GDP trung bình hàng năm của Thế giới. *(1)*... Từ năm 1995 đến nay kim ngạch xuất nhập khẩu hàng năm của Việt nam tăng bình quân 20% *(2)*... Tình hình thực tế trên đây đã dẫn đến số lượng hàng hoá xuất nhập khẩu lưu chuyển qua các cửa khẩu hải quan ngày càng nhiều hơn, cho dù ngành Hải quan có cố gắng đến mức tối đa, tăng cường nhân lực và trang thiết bị kỹ thuật hiện đại nhưng cũng không thể kiểm tra hết hàng hoá lưu chuyển qua các cửa khẩu Hải quan.

Thương mại quốc tế phát triển dẫn đến sự ra đời của các hiệp định thương mại quốc tế song phương (Ví dụ hiệp định thương mại Việt Mỹ) và đa phương (Các hiệp định: GATT, CEPT, AFTA...) các hiệp định này một mặt tạo điều kiện thuận lợi cho thương mại quốc tế phát triển nhưng mặt khác lại luôn luôn đòi hỏi giảm bớt thủ tục phiền hà, giải phóng hàng hoá ra khỏi các cửa khẩu hải quan càng nhanh càng tốt. Thực tế này đang tạo ra sức ép từ nhiều phía cho ngành hải quan:

- Khối lượng hàng hoá cần phải kiểm tra tăng lên.
- Thời gian lưu giữ hàng hoá để kiểm tra bị rút ngắn lại.
- Nhưng chính phủ và nhân dân vẫn đòi hỏi ngành Hải quan phải hoàn thành ngày càng xuất sắc hơn nhiệm vụ chống gian lận thương mại, bảo vệ sản xuất nội địa và không để thất thu thuế.

Mặt khác theo Hiệp định trị giá GATT khi chưa có đầy đủ bằng chứng để phủ định trị giá hàng hoá do chủ hàng khai báo Hải quan không để áp đặt trị giá tính thuế mà phải chấp nhận trị giá hải quan do chủ hàng khai báo.

Những khó khăn thách thức đối với nhiệm vụ chống gian lận thương mại của ngành hải quan còn phải tính đến một thực tế không dễ vượt qua đó là thiếu thông tin về hàng hoá, trị giá tính thuế và trình độ nghiệp vụ của nhân viên Hải quan tại các cửa khẩu còn thiếu bất cập. Trong khoảng thời gian ngắn ngủi lưu giữ hàng hoá tại các cửa khẩu, các nhân viên hải quan chỉ có thể “kiểm tra đại diện” theo xác suất một số lượng hàng hoá ở một chừng mực nào đó, thường không quá 10% và chứng từ thương mại Hải quan (Commercial customs documents) do chủ hàng xuất trình tức là mới kiểm tra “một nửa bức tranh” mà thôi. Nửa còn lại của bức tranh là những chứng từ, sổ và các ghi chép kế toán, ngân hàng... thì lại do chủ hàng nắm giữ và trong đó có nhiều chứng từ chỉ phát sinh sau khi hàng hoá đã được giải phóng ra khỏi cửa khẩu hải quan thậm chí đã bán cho người thứ ba.

Kinh nghiệm thực tế của Hải quan các nước cho thấy nếu chỉ dừng công việc kiểm tra của hải quan tại cửa khẩu thì không những không thể phát hiện và ngăn chặn các trường hợp cố ý gian lận mà còn gây phiền phức, ách tắc cho hoạt động xuất nhập khẩu. Về mặt lý luận cũng cần nhìn nhận một cách nghiêm túc mối quan hệ biện chứng giữa các biện pháp quản lý nhà nước về Hải quan với hoạt động thực tế của thương mại quốc tế, biểu hiện cụ thể của mối quan hệ này là quan hệ giữa thủ tục hải quan và thực tế hoạt động xuất nhập khẩu. Khi thương mại quốc tế còn ở trình độ vận chuyển hàng hoá bằng các đội thuyền gỗ có buồm, hay trên lưng lạc đà, thanh toán còn giản đơn dưới dạng tiền trao cháo múc hoặc hàng đổi hàng... thì thủ tục Hải quan cũng đơn giản hơn. Ngày nay khi thương mại điện tử ra đời người ra có thể buôn bán qua mạng Internet... thì thủ tục Hải quan cũng không thể quá đơn giản như xưa.

Đứng trước thực tế đó ngành Hải quan cần phải tăng cường hiệu lực công tác của mình bằng cách áp dụng những biện pháp nghiệp vụ kéo dài thời hiệu kiểm tra, mở rộng phạm vi và đối tượng kiểm tra kiểm soát... Biện pháp nghiệp vụ thoả mãn các yêu cầu này chính là Kiểm tra sau thông quan (KTSTQ).

Theo quan điểm của Tổ chức Hải quan thế giới (World Customs Organization – WCO) thì “Trong điều kiện hiện nay việc duy trì và phát triển hệ thống KTSTQ của ngành hải quan là tuyệt đối cần thiết vì một hệ thống KTSTQ đủ mạnh có thể ngăn chặn và phát hiện mọi hình thức gian lận thương mại, đặc biệt là gian lận về trị giá hải quan, dù cho hệ thống trị giá hải quan đó được xác định theo bất cứ phương pháp nào” ([2]1).

Thực chất kiểm tra sau thông quan là việc kiểm tra tính xác thực của các thông tin do người hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu (gọi tắt là chủ hàng) đã khai báo với hải quan thông qua việc kiểm tra các chứng từ thương mại, ngân hàng, kế toán... có liên quan đến hàng hoá xuất nhập khẩu. Để thực hiện các cuộc kiểm tra này công chức hải quan phải vận dụng các kiến thức chuyên ngành như: thương mại quốc tế,

ngân hàng, kế toán... trên cơ sở tư duy kiểm toán để phát hiện gian lận, sai sót. Xuất phát từ yêu cầu nghiệp vụ này mà Tổ chức Hải quan thế giới (World Customs Organization WCO) và Hải quan các nước gọi nghiệp vụ này là Kiểm toán sau thông quan (Post Clearance Audit – PCA) hoặc “Kiểm toán Hải quan” (Customs Audit), Việt Nam gọi là Kiểm tra sau thông quan. Trong tài liệu này các cụm từ: Kiểm tra sau thông quan, Kiểm toán Hải quan và Kiểm toán sau thông quan được sử dụng với ý nghĩa như sau.

2. KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN LÀ GÌ

Kiểm tra sau thông quan (KTSTQ) là quá trình nhân viên Hải quan kiểm tra tính trung thực hợp lý và độ tin cậy của các thông tin chủ hàng đã khai báo với hải quan thông qua việc kiểm tra các chứng từ thương mại hải quan, chứng từ kế toán, ngân hàng của các lô hàng đã thông quan. Những chứng từ này do các chủ thể (cá nhân/công ty) có liên quan trực tiếp hay gián tiếp đến thương mại quốc tế lưu giữ.

Từ định nghĩa trên đây ta có thể rút ra một số nhận xét về đặc điểm của KTSTQ :

2.1. Về đối tượng kiểm tra

KTSTQ chỉ kiểm tra các đơn vị có liên quan trực tiếp hay gián tiếp đến kinh doanh XNK đang hoạt động trong phạm vi lãnh thổ quốc gia. Không phân biệt thành phần kinh tế, nguồn vốn sở hữu cũng không chờ đợi sự thoả thuận hoặc văn bản yêu cầu của doanh nghiệp.

a. Các chủ thể liên quan trực tiếp đến kinh doanh XNK chính là các chủ hàng XNK (doanh nghiệp và /hoặc cá nhân).

b. Các chủ thể liên quan gián tiếp đến hoạt động xuất nhập khẩu có thể là (nhưng không chỉ giới hạn trong các đối tượng này) :

- Các đại lý khai thuế/ môi giới hải quan : nắm giữ các chứng từ thương mại hải quan, các thông tin khác về hàng hoá và trị giá.
- Các doanh nghiệp nhập khẩu ủy thác : nắm giữ các thông tin giao dịch trước khi hợp đồng thương mại và hợp đồng thương mại...
- Các doanh nghiệp kho vận ngoại thương : nắm giữ các chứng vận chuyển hàng hoá, số lượng bản chất chủng loại đơn giá, tổng trị giá hàng hoá.
- Các hãng vận tải hàng hoá xuất nhập khẩu : phát hành và lưu giữ chứng từ vận chuyển, hành trình của con tàu, cước phí vận tải (để xác định trị giá hải quan và xuất xứ hàng hoá), biên bản hải sự, báo cáo tổn hại hàng hoá (để xem xét trường hợp tổn thất trị giá thương mại của hàng hoá - một yếu tố ảnh hưởng trực tiếp tới giảm thuế thường bị lạm dụng).

- Các hãng bảo hiểm hàng hoá xuất nhập khẩu : nắm giữ các chứng từ bảo hiểm, phí bảo hiểm (một yếu tố cấu thành của trị giá hàng quan) và các chứng từ khác (Trị giá cần bảo hiểm – Insurable Value, Số tiền bảo hiểm – Amount Insured...) để xác định trị giá hải quan, mối quan hệ tương tác về thời gian ghi trên chứng từ bảo hiểm với thời gian ghi trên các chứng từ khác có ý nghĩa rất quan trọng trong nghiệp vụ xét đoán chứng từ.
- Các ngân hàng thương mại : nắm giữ các chứng từ ghi nhận số tiền thực tế đã chuyển trả cho người xuất khẩu, tiền bán hàng xuất khẩu trên thị trường nội địa để từ đó có thể phân tích tìm ra trị giá hải quan và các thông tin khác.
- Cơ quan thuế nội địa : nắm giữ các thông tin về giá bán hàng nhập khẩu trên thị trường nội địa, thuế giá trị gia tăng đầu vào - đầu ra, các chi phí hợp lý của doanh nghiệp giúp cho việc phân tích xác định trị giá hải quan.
- Người mua hàng nhập khẩu trên thị trường nội địa : giá thực tế đã mua hàng nhập khẩu trên thị trường nội địa từ đó phân tích để tìm ra giá nhập khẩu, chủng loại xuất xứ của hàng hoá thực tế đã mua để đối soát với những thông tin này trên hồ sơ hải quan.
- Các cơ quan, tổ chức giám định hàng hóa, và...

Theo luật pháp của nhiều nước thì các đối tượng có liên quan trực tiếp đến thương mại quốc tế (người nhập khẩu/người ủy thác) là đối tượng trực tiếp của kiểm tra sau thông quan, các đối tượng khác có trách nhiệm hợp tác, giúp đỡ và cung cấp các thông tin cần thiết khi cơ quan Hải quan yêu cầu.

2.2- Về phạm vi kiểm tra

KTSTQ chỉ kiểm tra xét đoán các chứng từ thương mại Hải quan, các ghi chép kế toán ngân hàng (Accounting Banking Records) có liên quan đến các lô hàng đã xuất hoặc nhập khẩu. Đặc điểm này khẳng định chức năng riêng biệt chuyên ngành không thể thay thế của kiểm tra thông quan và phân biệt nó với mọi loại hình kiểm tra, kiểm toán khác.

2.3- Mục đích chính của kiểm tra sau thông quan

Kiểm tra việc chấp hành Luật hải quan, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu cũng như các quy định khác về xuất nhập khẩu, từ đó mà phát hiện, ngăn chặn tình trạng gian lận trốn thuế và/hoặc vi phạm Luật Hải quan, vi phạm chính sách mặt hàng.

Quá trình thực hiện một cuộc kiểm tra sau thông quan công chức Hải quan phải kiểm tra xét đoán xem doanh nghiệp có chấp hành nghiêm túc các văn bản pháp quy, các quy định mà doanh nghiệp có nghĩa vụ phải chấp hành hay không, xét về góc độ này kiểm tra sau thông quan thuộc loại hình kiểm toán tuân thủ. Nhưng mục đích chính

của kiểm tra sau thông quan là phát hiện tình trạng gian lận (chủ yếu là gian lận qua giá) để trốn thuế vì vậy phải kiểm tra xét đoán số và chứng từ kế toán, ngân hàng tức là phải vận dụng nhiều kiến thức kiểm toán tài chính. Như vậy xét về bản chất thì kiểm tra sau thông quan thuộc loại hình kiểm toán tuân thủ - tài chính.

Cũng cần nói thêm rằng hoạt động kiểm tra sau thông quan phụ thuộc rất nhiều vào pháp luật của Nhà nước, trước hết là Luật Hải quan, Luật thuế, Luật kế toán, Luật ngân hàng... các Luật này của các nước không giống nhau. Vì vậy nội dung phương pháp và phạm vi hoạt động KTSTQ của các nước không giống nhau.

3- VAI TRÒ CỦA KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN

Kiểm tra sau thông quan của các nước không giống nhau về tên gọi, cơ cấu tổ chức, môi trường pháp lý, đào tạo cán bộ nghiệp vụ... Nhưng lại hoàn toàn giống nhau về chức năng cơ bản đó là phát hiện và ngăn chặn gian lận thương mại trong hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu thông qua việc thực hiện các kiểm tra sau thông quan.

Thông thường theo tâm lý kinh doanh khi làm thủ tục thông quan chủ hàng luôn có ý định tìm mọi cách « chế biến chứng từ » khai báo sai bản chất, chủng loại, số lượng, trị giá hàng hoá... theo hướng sao cho phải nộp các loại thuế cho hải quan càng ít càng tốt. Nhưng đến khi bán hàng và nhất là khi hạch toán lỗ lãi chủ hàng buộc phải tính đúng, tính đủ, thậm chí tính chi phí đầu vào cao hơn thực tế để " rút ngắn khoảng cách giữa giá mua và giá bán " sao cho phải nộp các sắc thuế nội địa (thuế thu nhập doanh nghiệp hiện nay là 28%) càng ít càng tốt. Những vấn đề cần được nêu ra ở đây là :

a- Những chứng từ được cập nhật vào sổ kế toán có phải là những chứng từ mà trước đó chủ hàng đã xuất trình khai báo với Hải quan khi làm thủ tục thông quan hay không.

b- Số lượng hàng hoá ghi trong cột nhập kho hoặc tập hợp từ các phiếu xuất kho có nhất quán với các dữ liệu được khai báo trên mục số lượng hàng hoá của tờ khai hải quan hay không.

c- Chủng loại hàng hoá chủ hàng đã khai báo trên tờ khai hải quan để áp thuế suất có nhất quán với các chứng từ có liên quan khác hay không. Các chứng từ khác được hiểu là : Phiếu kiểm nghiệm, Phiếu giám định, chứng nhận xuất xứ, hoá đơn bán hàng nhập khẩu trên thị trường nội địa...

d- Các khoản chi phí mà chủ hàng đã trả hoặc sẽ phải trả cho người bán (người xuất khẩu), các hãng vận tải, bảo hiểm... Có nhất quán với mục trị giá hải quan mà trước đó chủ hàng đã khai báo với hải quan không ?

e- Số thuế mà chủ hàng đã nộp là đủ hay thiếu, nếu thiếu thì thiếu bao nhiêu? Nguyên nhân thiếu thuế là do chủ hàng gian lận hay do nhân viên hải quan nhầm lẫn?

Người duy nhất có chức năng và khả năng trả lời các câu hỏi này là kiểm tra sau thông quan. Xét về bản chất thì kiểm tra sau thông quan là một công cụ mà thông qua việc sử dụng công cụ đó ngành hải quan đã nâng cao vị thế công tác và hiệu lực kiểm tra kiểm soát của mình.

Nếu trước đây phạm vi kiểm tra, kiểm soát của ngành hải quan chỉ giới hạn trong các cửa khẩu, kho ngoại quan... thì với kiểm tra sau thông quan phạm vi kiểm tra đã mở rộng ra đến doanh nghiệp chủ hàng và các bên có liên quan như: người tiêu dùng mua hàng nhập khẩu trên thị trường nội địa, cơ quan thuế, ngân hàng...

Đối tượng kiểm tra kiểm soát không chỉ là hàng hóa xuất nhập khẩu và các chứng từ thương mại hải quan mà còn bao gồm cả những chứng từ, các ghi chép ngân hàng, sổ, chứng từ và các ghi chép kế toán có liên quan.

Và sau nữa là thời gian kiểm tra không chỉ giới hạn trong khoảng thời gian hàng hóa lưu giữ tại cửa khẩu mà là 3 hoặc 5 năm sau ngày hoàn thành thủ tục thông quan tùy thuộc vào quy định của từng nước.

Theo thông lệ Hải quan nhiều nước thì sau khi hoàn thành thủ tục Hải quan Các chủ hàng phải lưu giữ toàn bộ các chứng từ có liên quan đến lô hàng từ 3 đến 5 năm, thời gian này gọi là thời gian có hiệu hồi tố (The time of Retroactive effect). Vào bất cứ thời điểm nào trong thời gian có hiệu lực hồi tố khi cơ quan kiểm toán hải quan yêu cầu chủ hàng có nghĩa vụ phải xuất trình đầy đủ các chứng từ cần thiết để phục vụ cho các cuộc kiểm toán hải quan. Mọi khoản thuế còn thiếu (vì bất cứ lý do nào) do kiểm toán hải quan phát hiện trong thời gian có hiệu lực hồi tố thì chủ hàng đều phải truy nộp đầy đủ cho ngân sách, mọi hành vi khai báo gian lận với hải quan để trốn thuế đều bị phạt rất nặng.

Hiện nay Hải quan hầu hết các nước chỉ kiểm tra thực tế hàng hóa tại cửa khẩu rất ít (không quá 15%) và chủ yếu là tập trung phát hiện hàng cấm, hàng bị hạn chế nhập khẩu hoặc các lô hàng đặc biệt do cảnh sát quốc tế (Interpol) hoặc cơ quan tình báo hải quan (Customs Intelligence) phát hiện. Khâu kiểm tra thuế, giá, số lượng bản chất hàng hóa... nếu trường hợp nào xét thấy cần thiết thì chuyển sang khâu KTSTQ.

Theo kinh nghiệm thực tế của Hải quan các nước và khuyến cáo của Tổ chức Hải quan thế giới WCO thì việc duy trì và phát triển nghiệp vụ kiểm toán sẽ giúp cho ngành hải quan:

- Chống gian lận thương mại có hiệu quả toàn diện hơn mà vẫn giải phóng hàng nhanh hơn do đó góp phần tích cực hơn vào phát triển thương mại quốc tế.
- Đảm bảo cho việc chấp hành luật Hải quan, các qui định về xuất nhập khẩu và các hiệp định thương mại quốc tế nghiêm túc hơn.

- Giúp cho khâu lưu thông hàng hóa trên thị trường nội địa phát triển thuận lợi và bảo vệ sản xuất trong nước tích cực hơn.

- Ngăn chặn tình trạng thất thu ngân sách.

- Triển khai các qui chế kiểm tra, kiểm soát hải quan tốt hơn. Quản lý tốt hơn các lĩnh vực giấy phép, hạn ngạch xuất nhập khẩu (quota) và chống bán phá giá (antidumping).

- Chấm dứt tình trạng "chỉ cần qua khỏi cửa khẩu hải quan là bình an vô sự" vì không còn ai hỏi đến nữa. Nếu trước đây quan niệm rằng Hải quan là người gác cửa thì với KTSTQ hải quan còn là người phát hiện và ngăn chặn gian lận thương mại trong thị trường nội địa.

Có lẽ tự thân các tác dụng trên đây của KTSTQ cũng đủ giải thích tại sao Hải quan các nước rất chú trọng đến việc duy trì phát triển và nâng cao hiệu lực công tác của hệ thống KTSTQ. Cho đến nay hầu hết các nước thành viên của Tổ chức hải quan thế giới (WCO) và Tổ chức thương mại thế giới (WTO) đều duy trì và phát triển hệ thống KTSTQ: Hải quan Pháp có Trung tâm nghiên cứu phân tích hồ sơ (CERDOC), Australia có văn phòng kiểm toán chuyên ngành Hải quan (Customs Industrial Audit), Anh, Na uy, Irelan, Hà Lan có cơ quan kiểm toán hải quan quốc gia (Nationnal Customs Audit Office) Nhật Bản có Văn phòng kiểm toán sau thông quan (Bureau of Post Clearance Audit)... Tên gọi của các tổ chức này không giống nhau nhưng nội dung hoạt động thì về cơ bản không có gì khác nhau vì cùng thực hiện quyền kiểm tra kiểm soát của ngành hải quan đối với mọi chứng từ có liên quan đến hàng hóa nhập khẩu sau khi đã thông quan. Các tổ chức kiểm toán hải quan của các nước đều có quan hệ phối hợp trong công việc và giúp đỡ lẫn nhau trong việc trao đổi kinh nghiệm, đào tạo cán bộ nghiệp vụ hoặc là song phương trực tiếp hoặc là thông qua Ủy ban kiểm toán sau thông quan (Post Clearance Audit Committee) của Tổ chức hải quan thế giới WCO.

So với các đồng nghiệp trong ngành hải quan thì KTSTQ là một chuyên ngành còn quá trẻ nhưng lại có những yêu cầu khắt khe về nghiệp vụ cũng như tác phong sinh hoạt, ví dụ Hải quan Nhật bản quy định trong khi kiểm tra tại doanh nghiệp nhân viên KTSTQ không được hút thuốc lá, không uống bia rượu và cấm nhận quà tặng. Về biên chế đội ngũ cán bộ nghiệp vụ KTSTQ của Hải quan các nước thường chiếm từ 3% đến 5% biên chế toàn ngành và được chọn lọc, đào tạo rất chu đáo. Các yêu cầu về kiến thức và trình độ nghiệp vụ cũng rất cụ thể, nói một cách khái quát nhất thì công việc yêu cầu mỗi nhân viên KTSTQ phải có những kiến thức cơ bản sau đây:

- Các kiến thức cơ bản về kinh tế sẽ giúp cho nhân viên KTSTQ có phương pháp tư duy kinh tế và dễ dàng tiếp cận các phương pháp kiểm tra, phân tích, xét đoán các

chứng từ thương mại, kế toán, ngân hàng (thuộc nghiệp vụ kiểm toán). Vì vậy cán bộ nghiệp vụ KTSTQ nên chọn những người đã tốt nghiệp đại học thuộc khối kinh tế như: Kinh tế quốc dân, Tài chính kế toán, Thương mại, ngoại thương...

- Đối tượng quản lý chủ yếu của Hải quan là hoạt động xuất nhập khẩu, vì vậy cán bộ nghiệp vụ KTSTQ cần phải nắm được các thông lệ thương mại quốc tế, các kiến thức nghiệp vụ ngoại thương cơ bản, các điều kiện và phương thức thanh toán quốc tế. Không có những kiến thức này nhân viên KTSTQ không thể kiểm tra phân tích các hồ sơ, chứng từ thương mại.

- Hầu hết hợp đồng, chứng từ thương mại, hồ sơ ngân hàng, thư từ điện tín đều sử dụng tiếng Anh vì vậy cán bộ nghiệp vụ KTSTQ phải biết tiếng Anh, tối thiểu là phải đọc được chứng từ, điện tín giao dịch thương mại.

- KTSTQ đòi hỏi mỗi nhân viên của mình phải có phương pháp tư duy của người làm công tác kiểm tra trong lĩnh vực pháp luật kinh tế; Mặt khác KTSTQ là công việc của ngành hải quan nên mọi nhân viên, cán bộ KTSTQ đều phải được đào tạo những kiến thức cơ bản về nghiệp vụ Hải quan để tiếp thu vận dụng các kiến thức chuyên ngành khác theo yêu cầu đặc điểm của ngành Hải quan.

Sẽ là không thực tế nếu đòi hỏi ngay một lúc mọi nhân viên, cán bộ nghiệp vụ KTSTQ phải có những kiến thức này; Nhưng sẽ là cần thiết và hữu ích nếu cán bộ nhân viên hải quan công tác trong lĩnh vực KTSTQ thấy nghiệp vụ của mình. Trong giai đoạn đầu việc triển khai hoạt động KTSTQ có thể vận dụng sự kết hợp kiến thức của một nhóm công tác, mỗi người trong nhóm biết sau về một lĩnh vực và cả nhóm có khả năng giải quyết trọn vẹn các yêu cầu thực tế đặt ra.

Chú thích:

- 1) *Tổ chức thương mại thế giới WTO - Bộ Ngoại giao – Nhà xuất bản chính trị quốc gia – Hà Nội 2000, Trang 25*
- (2) *Niên giám thống kê Hải quan*
- (1) *Văn hiện chống gian lận Thương mại mã số 39.300 ngày 24.2.1995 của Tổ chức Hải quan Thế giới*

Nguồn tham khảo: CỤC HẢI QUAN TỈNH ĐỒNG NAI.